BỘ TÀI CHÍNH - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG

BỘ TÀI CHÍNH - BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 142/2010/TTLT-BTC-BTTTT	*Hà Nội, ngày 22 tháng 9 năm 2010*

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 71/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật Công nghệ thông tin về công nghiệp công nghệ thông tin;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính và Nghị định số 187/2007/NĐ-CP ngày 25 tháng 12 năm 2007 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;

Căn cứ Quyết định số 75/2007/QĐ-TTg ngày 28 tháng 5 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt kế hoạch tổng thể phát triển công nghiệp điện tử Việt Nam đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 50/2009/QĐ-TTg ngày 03 tháng 4 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý Chương trình phát triển công nghiệp phần mềm và Chương trình phát triển công nghiệp nội dung số Việt Nam;

Liên Bộ Tài chính - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin như sau:

Phần 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi từ nguồn vốn ngân sách nhà nước, nguồn viện trợ và các nguồn thu hợp khác để thực hiện các nội

dung, nhiệm vụ, dự án nhằm hỗ trợ, thúc đẩy phát triển công nghiệp phần mềm, công nghiệp nội dung số, công nghiệp phần cứng và dịch vụ công nghệ thông tin (sau đây gọi chung là công nghiệp công nghệ thông tin).

2. Đối tượng áp dụng là các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và các tổ chức có sử dụng ngân sách nhà nước và các hiệp hội, doanh nghiệp tham gia vào các đề án, dự án, nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin có nguồn vốn từ ngân sách nhà nước.

Điều 2. Nguồn vốn và nguyên tắc chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

1. Nguồn vốn chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, gồm:

a) Ngân sách nhà nước;

b) Nguồn viện trợ, nguồn hỗ trợ phát triển chính thức của các tổ chức quốc tế cho các dự án phát triển công nghiệp công nghệ thông tin;

c) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Nguồn vốn phát triển công nghiệp công nghệ thông tin từ ngân sách nhà nước bao gồm nguồn vốn sự nghiệp và nguồn vốn đầu tư phát triển được bố trí trong dự toán chi ngân sách hàng năm theo các lĩnh vực chi của các cơ quan, đơn vị. Nhiệm vụ chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị ở Trung ương do ngân sách trung ương bảo đảm; nhiệm vụ chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin của các cơ quan, đơn vị ở địa phương do ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định của pháp luật hiện hành về phân cấp ngân sách nhà nước.

3. Các cơ quan, đơn vị, cá nhân quản lý và sử dụng kinh phí chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đúng mục đích, đúng chế độ, bảo đảm hiệu quả để phục vụ thiết thực cho nâng cao năng suất và chất lượng công việc chuyên môn, phù hợp với các chương trình, kế hoạch phát triển công nghiệp công nghệ thông tin và điều kiện hoạt động cụ thể của cơ quan, đơn vị; chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan chức năng có thẩm quyền; quyết toán kinh phí đã sử dụng, thực hiện chế độ công khai ngân sách theo quy định hiện hành.

Phần II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Nội dung chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin

Nội dung chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin bao gồm: chi hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, mở rộng quy mô, nâng cao năng lực hoạt động và khả

năng cạnh tranh; chi hỗ trợ các vườn ươm doanh nghiệp, nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các tiêu chuẩn, công nghệ, sản phẩm mới, sản phẩm trọng điểm về công nghiệp công nghệ thông tin; chi xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại, phát triển thị trường, xây dựng, quảng bá thương hiệu quốc gia về công nghiệp công nghệ thông tin; chi thúc đẩy phát triển và ứng dụng phần mềm mã nguồn mở; chi xây dựng, tạo lập các cơ sở hạ tầng hỗ trợ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin, xây dựng các khu công nghệ thông tin tập trung; chi đào tạo và phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin; chi đảm bảo và thúc đẩy phát triển công nghệ thông tin xanh (Green IT); chi xây dựng cơ chế chính sách, hoàn thiện môi trường pháp lý, môi trường hoạt động cho công nghiệp công nghệ thông tin. Liên Bộ Tài chính - Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn chi tiết một số nội dung cụ thể như sau:

1. Chi hỗ trợ doanh nghiệp, tổ chức xây dựng, áp dụng đánh giá và lấy chứng chỉ quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn CMMI (CMMI là quy trình sản xuất tiên tiến dành cho các doanh nghiệp phần mềm do viện công nghệ phần mềm SEI của Hoa Kỳ phát triển) bao gồm:

a) Chi tổ chức hội thảo, hội nghị chuyên đề về các quy trình quản lý chất lượng; chi thông tin tuyên truyền thông qua các phương tiện thông tin đại chúng trong và ngoài nước; chi khảo sát thực trạng để lựa chọn doanh nghiệp; chi tham quan học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; chi tổ chức các khóa đào tạo trong nước; chi cử cán bộ tham gia các khóa đào tạo chuyên sâu tại nước ngoài về các quy trình quản lý chất lượng tiên tiến.

b) Chi thuê chuyên gia tư vấn hỗ trợ doanh nghiệp xây dựng, áp dụng quy trình sản xuất, bao gồm: tư vấn đánh giá thực trạng và hỗ trợ doanh nghiệp lập kế hoạch triển khai xây dựng áp dụng quy trình sản xuất; tư vấn xây dựng quy trình; tư vấn kiểm tra quy trình; tư vấn áp dụng quy trình và chuyên gia tư vấn khác.

c) Chi hỗ trợ thuê chuyên gia tư vấn đánh giá, đạt chứng chỉ quy trình sản xuất, bao gồm: tư vấn đánh giá thử; tư vấn, đào tạo nhóm đánh giá nội bộ của doanh nghiệp; tư vấn điều chỉnh quy trình; tư vấn lập kế hoạch đánh giá quy trình; tư vấn đánh giá chính thức.

2. Chi phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin, bao gồm: chi hỗ trợ tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn cho doanh nghiệp về các kỹ năng chuyên môn chuyên sâu, công nghệ mới và các kỹ năng quản lý trong lĩnh vực công nghiệp

công nghệ thông tin như: phân tích, thiết kế, quản trị dự án, cải tiến quy trình, quản lý rủi ro, kỹ năng kinh doanh; chi chuẩn hóa hệ thống xếp bậc nhân lực công nghệ thông tin; chi tổ chức các khóa đào tạo nâng cao năng lực quản lý nhà nước cho đối tượng là cán bộ công chức trong lĩnh vực công nghệ thông tin; chi tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước; chi nghiên cứu chuyên môn, nghiên cứu đề tài khoa học phục vụ việc xây dựng quy hoạch, kế hoạch, chiến lược, cơ chế chính sách.

3. Chi xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin bao gồm: chi tổ chức đoàn vào, đoàn ra; chi hỗ trợ doanh nghiệp tổ chức và tham gia các hội thảo, triển lãm, hội chợ trong và ngoài nước; chi hỗ trợ phát triển các thương hiệu; chi xây dựng và quảng bá thương hiệu công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam thông qua các phương tiện thông tin đại chúng và thông qua việc in ấn tài liệu, tờ rơi.

4. Chi biên soạn sách trắng, báo cáo toàn cảnh, các tài liệu giới thiệu các văn bản quy định pháp luật, hướng dẫn đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chi biên soạn và phát hành các ấn phẩm nhằm quảng bá, tuyên truyền, phổ biến các tiêu chuẩn, công nghệ, quy trình quản lý, sản xuất tiên tiến trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin.

5. Chi hỗ trợ, tạo lập các cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hỗ trợ về hạ tầng điện, nước, viễn thông cho các công trình công nghệ thông tin, hỗ trợ phát triển các khu công nghệ thông tin tập trung bao gồm các loại hình: công viên phần mềm, khu phần mềm tập trung, khu tổ hợp công nghệ thông tin và các khu công nghệ thông tin tập trung khác theo quy định của pháp luật.

6. Chi hỗ trợ phát triển các vườn ươm doanh nghiệp, bao gồm: chi hỗ trợ xây dựng đầu tư trang thiết bị ban đầu, chi hỗ trợ nghiên cứu phát triển sản phẩm mới; chi hỗ trợ chuyển giao công nghệ; chi hỗ trợ đào tạo đội ngũ nhân lực; chi duy trì hoạt động của vườn ươm.

7. Chi hỗ trợ nghiên cứu, phát triển và chuyển giao các tiêu chuẩn, công nghệ, sản phẩm công nghệ thông tin mới, sản phẩm công nghệ thông tin trọng điểm; chi nghiên cứu xây dựng các chuẩn thông tin số và chuẩn trao đổi thông tin.

8. Chi hỗ trợ mở rộng quy mô doanh nghiệp, sáp nhập, mua lại doanh nghiệp để hình thành các doanh nghiệp lớn trong lĩnh vực công nghệ thông tin, bao gồm: chi mua lại một phần hay toàn bộ doanh nghiệp khác để hình thành doanh nghiệp lớn

hơn; chi hỗ trợ các nội dung, thủ tục để mua lại hoặc sáp nhập các doanh nghiệp; chi hỗ trợ đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chủ chốt; chi hỗ trợ nâng cao năng lực cạnh tranh, quảng bá xúc tiến đầu tư, phát triển thị trường.

9. Chi thúc đẩy phát triển và ứng dụng mềm nguồn mở bao gồm: chi tổ chức các khóa đào tạo; chi chuyển đổi, sử dụng phần mềm nguồn mở; chi bổ sung, chỉnh sửa hoàn thiện chức năng cho sản phẩm phần mềm nguồn mở theo yêu cầu sử dụng; chi đánh giá, kiểm thử sản phẩm phần mềm nguồn mở; chi tổ chức hội thảo, hội nghị về phần mềm nguồn mở; chi cử cán bộ tham gia đào tạo ngắn hạn trong và ngoài nước về phần mềm nguồn mở.

10. Chi xây dựng, duy trì, cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử và thiết lập hệ cơ sở dữ liệu về công nghiệp công nghệ thông tin Việt Nam.

11. Chi xây dựng và vận hành Cổng thông tin điện tử về công nghiệp công nghệ thông tin.

12. Chi thành lập và duy trì hoạt động của Quỹ phát triển công nghiệp phần mềm, Quỹ phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin của Bộ Thông tin và Truyền thông và UBND các tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương.

13. Chi hoạt động thường xuyên của Ban Điều hành Chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin do Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông thành lập (sau đây gọi tắt là Ban Điều hành) gồm:

a) Chi nghiên cứu, tham quan, điều tra, khảo sát học tập kinh nghiệm quản lý hỗ trợ phát triển công nghiệp phần mềm và nội dung số trong và ngoài nước;

b) Chi tổ chức các cuộc họp do Ban Điều hành chủ trì để xử lý công việc thường xuyên và đột xuất trong quá trình thực hiện Chương trình;

c) Chi tổ chức hội thảo khoa học, hội nghị chuyên đề phục vụ công tác chuyên môn; tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết và triển khai nhiệm vụ hàng năm của Ban Điều hành;

d) Chi công tác phí đi kiểm tra, giám sát, đánh giá hoạt động thực hiện Chương trình tại các Bộ, ngành, địa phương;

đ) Chi hoạt động hợp tác quốc tế: Chi đoàn đi công tác nước ngoài; đón các đoàn khách nước ngoài vào Việt Nam, tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam;

e) Chi thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước;

f) Chi làm đêm, làm thêm giờ cho cơ quan thường trực và bộ phận giúp việc của Ban Điều hành;

g) Chi phí thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Điều hành, cơ quan thường trực, tổ tư vấn và các tổ giúp việc;

h) Các khoản chi khác phục vụ hoạt động của Ban Điều hành: chi phí in ấn, chuẩn bị tài liệu, văn phòng phẩm; thuê, mua, dịch tài liệu phục vụ công tác chuyên môn; thuê, mua sắm phương tiện làm việc thiết yếu phục vụ công tác của Ban Điều hành; chi nghiên cứu các chuyên đề, xây dựng báo cáo đánh giá, sơ kết, tổng kết các hoạt động trong phạm vi Chương trình; chi thông tin liên lạc; các khoản chi cần thiết khác phục vụ trực tiếp các hoạt động của Ban Điều hành.

Điều 4. Mức chi

Tiêu chuẩn, chế độ, định mức và các điều kiện, thủ tục để lập kế hoạch, xây dựng dự toán ngân sách nhà nước và quản lý, triển khai thực hiện các nội dung, nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thực hiện theo quy định hiện hành của pháp luật.

Đối với những nội dung, nhiệm vụ chưa được quy định cụ thể, được phép áp dụng theo quy định về chế độ chi tiêu và định mức như đối với các nội dung, nhiệm vụ tương ứng về ứng dụng công nghệ thông tin. Trong trường hợp những nội dung, nhiệm vụ chưa có quy định tại các văn bản hiện hành, thì được phép căn cứ theo đơn giá trung bình trên thị trường tại thời điểm lập kế hoạch, dự án và tại địa điểm mà kế hoạch, dự án được triển khai (qua báo giá/dự trù kinh phí của ít nhất 2 nhà thầu).

Thông tư này hướng dẫn chi tiết thêm một số mức chi trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin, cụ thể sau:

1. Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp xây dựng, áp dụng quy trình sản xuất theo chuẩn CMMI từ mức 3 trở lên không vượt quá 475.000.000 đồng/doanh nghiệp (hoặc 25.000 đô la Mỹ tính theo tỷ giá ở thời điểm thanh toán). Việc hỗ trợ theo các nguyên tắc sau đây:

- Chỉ hỗ trợ các doanh nghiệp được Bộ Thông tin và Truyền thông xác định có đủ điều kiện và năng lực để triển khai quy trình sản xuất theo chuẩn CMMI;

- Hỗ trợ phần tư vấn xây dựng, áp dụng, điều chỉnh quy trình: không vượt quá 285.000.000 đồng/doanh nghiệp (hoặc 15.000 đô la Mỹ); trường hợp doanh nghiệp có nhu cầu tư vấn thêm thì phải tự chi trả phần tư vấn phát sinh đó;

- Hỗ trợ phần đánh giá cấp chứng chỉ: không vượt quá 190.000.000 đồng/doanh nghiệp (hoặc 10.000 đô la Mỹ). Phần kinh phí trên mức này doanh nghiệp phải tự chi trả. Trong trường hợp doanh nghiệp đã đánh giá nhưng không đạt chứng chỉ thì doanh nghiệp phải tự chi trả toàn bộ kinh phi đánh giá cho đơn vị tư vấn.

a) Mức chi thuê chuyên gia nước ngoài để tư vấn xây dựng, áp dụng và điều chỉnh quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn CMMI không vượt quá 20.000.000đồng/ chuyên gia/ngày (hoặc 1.100 đô la Mỹ). Yêu cầu đối với trình độ chuyên gia: Có 5 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin, có ít nhất 3 năm kinh nghiệm tư vấn xây dựng và áp dụng quy trình sản xuất theo chuẩn CMMI;

b) Mức chi thuê chuyên gia nước ngoài để đánh giá quy trình sản xuất theo tiêu chuẩn CMMI không vượt quá 27.000.000 đồng/chuyên gia/ngày (hoặc 1500 đô la Mỹ). Yêu cầu đối với trình độ chuyên gia: Có ít nhất 5 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin; có kinh nghiệm đánh giá chứng chỉ CMMI; có chứng chỉ đánh giá trưởng về CMMI do Viện công nghệ phần mềm - SEI của Hoa Kỳ, hoặc đơn vị được Viện công nghệ phần mềm nêu trên ủy quyền cấp.

c) Mức chi thuê chuyên gia tư vấn trong nước làm giám sát hoặc tư vấn khác được thực hiện theo Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn Nhà nước.

2. Mức hỗ trợ cho doanh nghiệp xây dựng, áp dụng các quy trình đảm bảo chất lượng, các tiêu chuẩn kỹ thuật tiên tiến khác do Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt trong từng kế hoạch, dự án cụ thể, cho mỗi loại tiêu chuẩn cụ thể, trên cơ sở tham khảo thực tế chi phí trung bình cần thiết để mỗi doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn đó, nhưng không vượt quá định mức hỗ trợ cho xây dựng, áp dụng và đánh giá theo chuẩn CMMI quy định tại khoản 1, Điều 4 của Thông tư này.

3. Chi tổ chức các khóa đào tạo thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.

4. Chi điều tra, khảo sát doanh nghiệp công nghệ thông tin; điều tra thị trường, sản phẩm công nghệ thông tin; điều tra khảo sát tình hình sử dụng phần mềm nguồn mở tại các cơ quan nhà nước thực hiện theo các quy định của Bộ Tài chính về quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra từ nguồn vốn sự nghiệp của ngân sách Nhà nước.

5. Chi biên soạn sách trắng, báo cáo toàn cảnh, báo cáo về các chỉ số, các tài liệu về quy định pháp luật, hướng dẫn đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin, chi in sách tham khảo về các quy trình sản xuất, quản lý chất lượng trong lĩnh vực công nghệ thông tin bao gồm: chi biên soạn: 70.000đ/trang chuẩn tiếng Việt; chi sửa chữa và biên tập tổng thể: 25.000đ/trang chuẩn tiếng Việt; chi thẩm định nhận xét:

35.000đ/trang chuẩn tiếng Việt. Trong trường hợp in ấn các ấn phẩm nói trên bằng tiếng nước ngoài, được phép chi thêm 50.000đ/trang chuẩn chi phí dịch thuật.

6. Chi chuyển đổi, sử dụng phần mềm nguồn mở thực hiện theo Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

7. Chi tổ chức tham quan, học tập kinh nghiệm trong nước thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

8. Chi tham quan, học tập kinh nghiệm tại nước ngoài, chi cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở ngoài nước thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính về chế độ công tác phí cho cán bộ, công chức nhà nước đi công tác ngắn hạn ở nước ngoài do Ngân sách Nhà nước đài thọ.

9. Chi các nghiên cứu chuyên môn, đề tài khoa học thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và Bộ Khoa học và Công nghệ về định mức xây dựng và phân bổ dự toán kinh phí đối với các đề tài, dự án khoa học và công nghệ có sử dụng Ngân sách Nhà nước.

10. Chi tổ chức hội thảo, hội nghị thực hiện theo quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập và quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

11. Chi xây dựng, duy trì, cập nhật, nâng cấp trang thông tin điện tử, cơ sở dữ liệu về công nghiệp công nghệ thông tin áp dụng theo quy định tại Mục 2, Phần II Thông tư liên tịch số 43/2008/TTLT-BTC-BTTTT ngày 26/5/2008 của liên Bộ Tài chính và Bộ Thông tin và Truyền thông hướng dẫn việc quản lý và sử dụng kinh phí chi ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước.

12. Đối với một số hoạt động của Ban Điều hành:

a) Chi tổ chức các cuộc họp do Ban Điều hành chủ trì:

Chủ trì: 200.000 đồng/người; thư ký, thành viên Ban Điều hành: 100.000 đồng/người; chuyên gia tư vấn: 200.000đồng/người (có tham luận); đại biểu khác: 100.000 đồng/người.

b) Chi thuê viết báo cáo tư vấn: Căn cứ vào yêu cầu công việc và khả năng kinh phí, Trưởng Ban Điều hành xem xét, quyết định mức chi cụ thể cho phù hợp và chịu trách nhiệm về quyết định của mình nhưng tối đa không quá mức chi theo quy định dưới đây; đồng thời phải thực hiện đầy đủ các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ theo quy định:

- Đối với chuyên gia trong nước: Tối đa không quá 10.000.000 đồng/báo cáo;

- Đối với chuyên gia nước ngoài: Tối đa không quá 27.000.000 đồng/báo cáo (hoặc 1.500 USD tính theo tỷ giá tại thời điểm thanh toán).

c) Chi làm đêm, làm thêm giờ cho đơn vị thường trực và các tổ giúp việc thực hiện theo quy định hiện hành của liên Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức;

d) Chi thù lao trách nhiệm cho các thành viên Ban Điều hành, cơ quan thường trực, tổ tư vấn, tổ giúp việc như sau:

- Đối với các thành viên Ban Điều hành chương trình: Trưởng Ban: hệ số 0,8 mức lương tối thiểu/người/tháng, thành viên: hệ số 0,6 mức lương tối thiểu/người/tháng;

- Đối với các thành viên cơ quan thường trực, tổ tư vấn và các tổ giúp việc khác: Thủ trưởng, tổ trưởng: hệ số 0,6 mức lương tối thiểu/người/tháng; thành viên: hệ số 0,5 mức lương tối thiểu/người/tháng.

đ) Chi thuê chuyên gia tư vấn cho các hoạt động của Ban Điều hành: Căn cứ vào mức độ cần thiết triển khai các hoạt động nghiên cứu và khả năng kinh phí, Ban Điều hành quyết định việc thuê chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước. Trong đó cần tập trung áp dụng hình thức thuê Hợp đồng giao khoán công việc, sản phẩm. Trong trường hợp hợp đồng làm việc theo tháng, chi phí trả cho chuyên gia được vận dụng theo Thông tư số 18/2010/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2010 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định tiền lương đối với chuyên gia tư vấn trong nước thực hiện gói thầu tư vấn và áp dụng hình thức hợp đồng theo thời gian thuộc dự án sử dụng vốn Nhà nước.

13. Một số khoản chi được thanh toán theo hợp đồng giữa các cơ quan, đơn vị và nhà cung cấp bảo đảm tuân thủ quy định hóa đơn chứng từ và quy định về đấu thầu, mua sắm, thuê tài sản nói chung, tài sản thuộc lĩnh vực công nghệ thông tin nói riêng, bao gồm:

a) Mua sắm trang, thiết bị thuộc cơ sở hạ tầng thông tin (phần cứng, thiết bị mạng, phần mềm); mua nội dung thông tin; mua giáo trình, tài liệu giảng dạy, học tập, nghiên cứu; thuê tư vấn trong lĩnh vực công nghiệp công nghệ thông tin;

b) Các khoản chi phí thuê dịch vụ Internet, điện, nước,... chi thuê dịch vụ thuê kết nối mạng; dịch vụ thuê thiết bị mạng, phần cứng và phần mềm; dịch vụ an ninh mạng và an toàn thông tin;

c) Chi cho công tác thông tin, tuyên truyền, quảng bá: thiết kế, in ấn tờ rơi, panô, áp phích, khẩu hiệu; thiết kế kịch bản tuyên truyền, thiết kế quảng cáo, thuê quảng bá qua sóng phát thanh, truyền hình; tuyên truyền, quảng bá bằng thông tin trên mạng máy tính, qua mạng viễn thông;

d) Chi thiết kế, in ấn sách, trình bày trang bìa, giấy phép xuất bản, in ấn phát hành tài liệu, sách;

đ) Chi mua sách, tài liệu nghiên cứu, báo cáo khảo sát, đánh giá thị trường của các tổ chức trong và ngoài nước;

e) Chi thuê tài sản phục vụ cho hoạt động của Ban Điều hành.

Điều 5. Lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách Nhà nước

Việc lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách nhà nước chi phát triển công nghiệp công nghệ thông tin thực hiện theo đúng quy định hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước và văn bản hướng dẫn, cụ thể:

1. Lập dự toán: Hàng năm, vào thời gian lập dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước, các Bộ, cơ quan Trung ương và các địa phương nhận hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Trung ương theo quy định tại chương trình phát triển công nghiệp công nghệ thông tin đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, tổng hợp chung trong dự toán chi ngân sách nhà nước của mình gửi Bộ Thông tin và Truyền thông (Bộ chủ trì Chương trình) để tổng hợp, đồng thời gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư (đối với phần chi đầu tư) và Bộ Tài chính (đối với phần chi thường xuyên). Bộ Thông tin và Truyền thông căn cứ vào dự toán chi của các Bộ, ngành, địa phương phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư và Bộ Tài chính để đưa vào dự toán ngân sách Trung ương, trình Thủ tướng Chính phủ và Quốc hội thông qua theo đúng quy định hiện hành.

2. Phân bổ và giao dự toán: Căn cứ dự toán ngân sách được cấp có thẩm quyền giao; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có trách nhiệm phân bổ và giao dự toán kinh phí cho các đơn vị tổ chức thực hiện (trong đó bao gồm cả kinh phí thực hiện nhiệm vụ

phát triển công nghiệp công nghệ thông tin) sau khi có ý kiến thẩm tra của cơ quan tài chính cùng cấp.

3. Sử dụng và quyết toán kinh phí: Việc sử dụng và quyết toán kinh phí bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phát triển công nghiệp công nghệ thông tin theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước, các văn bản hướng dẫn thi hành và quy định tại Thông tư này. Cuối năm tổng hợp chung trong quyết toán ngân sách hàng năm của đơn vị theo quy định.

Phần III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực sau 45 ngày, kể từ ngày ký.

2. Đối với các khối lượng công việc các Bộ, ngành, địa phương đã triển khai thực hiện trước khi Thông tư này có hiệu lực, các Bộ, ngành, địa phương căn cứ quy định tại Thông tư này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Liên Bộ để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

KT. BỘ TRƯỞNG **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** **THỨ TRƯỞNG**	**KT. BỘ TRƯỞNG** **BỘ TÀI CHÍNH** **THỨ TRƯỞNG**
Trần Đức Lai	**Trương Chí Trung**

Phụ lục I

HƯỚNG DẪN CÁCH THỨC TỔ CHỨC VÀ MỘT SỐ NỘI DUNG CHI, ĐỊNH MỨC CHI CHO NHIỆM VỤ TỔ CHỨC CÁC KHÓA ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Thông tư số 142/2010/TTLT-BTC-BTTTT ngày 22/9/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Thông tin và Truyền thông)

1. Nội dung và cách thức tổ chức các khóa đào tạo

1.1. Nội dung đào tạo:

a) Đối với các khóa đào tạo về nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin, tập trung vào các nội dung sau đây:

- Đào tạo kỹ năng quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin;

- Đào tạo cơ chế chính sách về công nghiệp công nghệ thông tin;

- Đào tạo về các chuẩn trong công nghiệp công nghệ thông tin.

b) Đối với các khóa đào tạo về phần mềm nguồn mở, tập trung vào các nội dung sau đây:

- Đào tạo cơ bản cho người dùng về các kỹ năng cài đặt và sử dụng phần mềm ứng dụng nguồn mở;

- Đào tạo kỹ thuật về phần mềm nguồn mở dành cho các lập trình viên, kỹ thuật viên công nghệ thông tin;

- Đào tạo chuyên sâu dành cho các đối tượng kỹ thuật viên, lập trình viên, quản trị mạng.

c) Đối với các khóa đào tạo về quản lý và cải tiến quy trình sản xuất, tập trung vào các nội dung sau đây:

- Đào tạo tổng quan và chuyên sâu về các quy trình sản xuất, các tiêu chuẩn chất lượng, kỹ thuật tiên tiến;

- Đào tạo về triển khai xây dựng, áp dụng quy trình sản xuất và đánh giá, lấy chứng chỉ CMMI.

d) Đối với các khóa đào tạo kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin: tập trung vào đào tạo theo các chứng chỉ chuyên môn có uy tín của các tập đoàn công nghệ thông tin lớn trên thế giới.

1.2. Cách thức tổ chức các khóa đào tạo

a) Đối với các khóa đào tạo về nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin:

- Độ dài khóa học: không quá 03 ngày (một ngày học tương đương 8 giờ), trong đó có thể có không quá 1/2 ngày tham quan thực tế.

- Số lượng học viên: không quá 50 người/lớp;

- Số lượng giảng viên: tùy theo tình hình thực tế khóa học có thể chia thành nhiều chuyên đề, nhưng không quá 03 giảng viên/khóa học và mỗi giảng viên đảm nhận ít nhất 01 chuyên đề.

- Về trình độ giảng viên: yêu cầu giảng viên chính phải có bằng đại học về công nghệ thông tin, có ít nhất 03 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực quản lý nhà nước về công nghệ thông tin.

b) Đối với các khóa đào tạo về phần mềm nguồn mở:

- Độ dài khóa học:

+ Không quá 05 ngày đối với các lớp cơ bản dành cho người sử dụng, và các lớp kỹ thuật dành cho kỹ thuật viên công nghệ thông tin;

+ Không quá 30 ngày đối với các khóa học chuyên sâu dành cho kỹ thuật viên, lập trình viên và quản trị mạng.

- Số lượng học viên:

+ Từ 25 - 40 học viên một lớp đối với các lớp cơ bản dành cho người sử dụng;

+ Từ 20 - 30 học viên một lớp đối với các lớp nâng cao dành cho lập trình viên, kỹ thuật viên công nghệ thông tin;

+ Từ 10 - 15 học viên một lớp đối với các khóa học chuyên sâu dành cho quản trị mạng.

- Số lượng giảng viên: tùy theo tình hình thực tế khóa học có thể chia thành nhiều chuyên đề, nhưng không quá 03 giảng viên/khóa học và mỗi giảng viên đảm nhận ít nhất 01 chuyên đề.

- Về trình độ giảng viên: yêu cầu giảng viên chính phải có bằng đại học về công nghệ thông tin, có ít nhất 10 năm kinh nghiệm hoạt động trong lĩnh vực công nghệ thông tin.

c) Đối với các khóa đào tạo về quản lý và cải tiến quy trình sản xuất cho cán bộ quản lý và doanh nghiệp: không quá 05 ngày/khóa đối với các khóa tổ chức trong nước; không quá 20 ngày/khóa đối các khóa tổ chức ở nước ngoài;

d) Đối với các khóa đào tạo kỹ năng chuyên sâu về công nghệ thông tin, tùy theo tình hình thực tế và nhu cầu đào tạo, thủ trưởng cơ quan quyết định về độ dài khóa học.

2. Nội dung chi và mức chi:

Việc tổ chức lớp học được thanh toán theo những nội dung sau:

2.1. Chi thuê cơ sở vật chất, bao gồm:

a) Chi thuê phòng học: được thanh toán theo chi phí thực tế;

b) Chi thuê máy tính: Mức tối đa không quá 100.000 đồng/máy/ngày;

c) Chi thuê máy chủ đối với các khóa đào tạo nâng cao và chuyên sâu: Mức tối đa không quá 500.000 đồng/máy/ngày và không quá 02 máy chủ/khóa học;

d) Chi cài đặt máy tính phục vụ khóa học: Mức tối đa không quá 50.000 đ/máy/khóa học;

đ) Chi thuê thiết bị kỹ thuật phục vụ lớp học: Mức tối đa không quá 500.000 đ/ngày đối với máy chiếu, không quá 500.000 đồng/ngày đối với toàn bộ các thiết bị kỹ thuật khác.

2.2. Chi quản lý lớp học, bao gồm:

a) Chi văn phòng phẩm: Mức tối đa không quá 20.000 đồng/người/khóa;

b) Chi nước uống: Mức tối đa không quá 30.000 đồng/người/ngày;

c) Chi phí quản lý chung (chi thù lao người tổ chức lớp học, chi phí phục vụ khai giảng bế giảng, chi phí tổ chức lớp học,...): Mức tối đa không quá 5.000.000 đồng/khóa;

d) Chi in giấy chứng nhận: Mức tối đa không quá 30.000 đồng/giấy.

2.3. Chi soạn thảo tài liệu, phục vụ giảng dạy bao gồm:

a) Chi mua tài liệu phục vụ giảng dạy: Tính theo chi phí thực tế;

b) Chi soạn thảo tài liệu phục vụ giảng dạy: Mức tối đa không quá 50.000 đồng/trang;

c) Chi photo, in ấn tài liệu phục vụ lớp học: Tính theo chi phí thực tế;

d) Chi mua và in đĩa CD: Mức tối đa không quá 15.000 đồng/đĩa.

2.4. Chi tiền thuê xe khảo sát, học tập kinh nghiệm thực tế: việc thanh toán được tính theo chi phí thực tế.

2.5. Chi thuê giảng viên trong nước:

Đối với khóa học đòi hỏi chuyên môn cao, có thể thuê chuyên gia giảng dạy với mức thù lao theo thỏa thuận hoặc áp dụng hệ số tăng cao từ 1,5 - 3,0 lần so với định mức thù lao hiện hành, các trường hợp dưới đây áp dụng như sau:

a) Chi bồi dưỡng giảng viên chính trong nước: Mức tối đa không quá 100.000 đồng/giờ/giảng viên dạy đối với các khóa học nâng cao năng lực quản lý nhà nước về công nghiệp công nghệ thông tin, không quá 120.000 đồng/giờ/giảng viên dạy đối với các khóa học cơ bản và nâng cao dành cho các kỹ thuật viên, không quá 200.000 đồng/giờ/giảng viên đối với các khóa học chuyên sâu về công nghệ thông tin;

b) Chi bồi dưỡng giảng viên phụ (trợ giảng, cán bộ kỹ thuật) trong nước: Mức tối đa không quá 50.000 đồng/giờ/người;

c) Chi tiền ăn cho giảng viên chính, giảng viên phụ: Mức tối đa không quá 100.000 đồng/người/ngày;

d) Chi phí đi lại cho giảng viên chính, giảng viên phụ: bao gồm vé máy bay, vé tàu, vé taxi đi lại trong quá trình giảng dạy được thanh toán theo thực tế phát sinh;

2.6. Đối với giảng viên nước ngoài: mức thù lao được do cơ quan, đơn vị thỏa thuận với giảng viên nước ngoài nhưng không quá 20.000.000 đồng/người/ngày (hoặc 1.100 đô la Mỹ). Các chi phí khác cho giảng viên như: ăn, ở, đi lại, dịch thuật thực hiện theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06/01/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tiêu tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiêu tiếp khách trong nước.

Phụ lục II

HƯỚNG DẪN MỘT SỐ NỘI DUNG CHI VÀ ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI VIỆC CHUYỂN ĐỔI SỬ DỤNG PHẦN MỀM NGUỒN MỞ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 142/2010/TTLT-BTC-BTTTT ngày 22/9/2010 của Bộ Tài chính - Bộ Thông tin và Truyền thông)

Chuyển đổi sử dụng phần mềm nguồn mở đối với máy trạm là việc thay thế các phần mềm nguồn đóng không có bản quyền đang dùng trên máy trạm bằng các phần mềm nguồn mở có tính năng sử dụng tương đương. Các phần mềm nguồn mở được lựa chọn sử dụng là những phần mềm thuộc Danh mục các sản phẩm phần mềm mã nguồn mở đáp ứng được yêu cầu sử dụng trong các cơ quan, tổ chức nhà nước do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định hoặc các phần mềm nguồn mở khác có tính năng tương đương. Việc chuyển đổi phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đảm bảo chức năng tác nghiệp: quá trình chuyển đổi không làm gián đoạn công việc của người sử dụng;

b) Đảm bảo toàn tính toàn vẹn dữ liệu: đảm bảo các dữ liệu của người sử dụng sử dụng lại được trong các phần mềm nguồn mở mới với những định dạng tài liệu mới mà không gặp phải bất cứ trở ngại nào sau chuyển đổi.

1. Các hạng mục chi và mức chi cho công việc thực hiện chuyển đổi sử dụng phần mềm nguồn mở trên máy trạm

1.1. Chi khảo sát hiện trạng sử dụng không quá 50.000 đ/máy, bao gồm các công việc sau:

a) Khảo sát phần cứng: Khảo sát cấu hình của máy trạm, khảo sát các kết nối với thiết bị ngoại vi máy in, máy fax, máy quét, phương tiện sao lưu dữ liệu, và các thiết bị kết nối khác;

b) Khảo sát phần mềm: Khảo sát hệ điều hành, trình duyệt web, thư điện tử, phần mềm văn phòng và các macro (nếu có), các phần mềm chuyên dụng.

1.2. Chi cài đặt và cấu hình hệ thống phần mềm máy trạm, bao gồm các công việc sau:

a) Chi sao lưu dữ liệu không quá 50.000 đ/máy: Quá trình này phải đảm bảo các dữ liệu người dùng trong máy trạm lưu an toàn tại các thiết bị nhớ độc lập. Việc sao lưu bao gồm: sao lưu dữ liệu văn bản (word, exel, notepad, wordpad...), sao lưu dữ liệu thư điện tử, sao lưu các thông tin trình duyệt, sao lưu các dữ liệu từ phần mềm chuyên dụng và các dữ liệu cá nhân khác;

b) Chi cài đặt và cấu hình hệ điều hệ điều hành nguồn mở trên máy trạm không quá 100.000 đ/máy, bao gồm: chi cài đặt hệ điều hành, thiết lập các kết nối mạng LAN, WAN, Internet; chi thiết lập các kết nối với các thiết bị ngoại vi;

c) Chi cài đặt và cấu hình phần mềm văn phòng nguồn mở, phần mềm thư điện tử nguồn mở, trình duyệt internet nguồn mở, bộ gõ tiếng Việt nguồn mở và các phần mềm tiện ích nguồn mở khác không quá 50.000 đ/máy, bao gồm: chi cài đặt; chi thiết lập cấu hình, kiểm tra chạy thử; chi phục hồi dữ liệu và chi thiết lập các cấu hình khác;

d) Chi cài đặt và thiết lập phần mềm nguồn mở chuyên dụng phục vụ yêu cầu của người dùng được tính theo chi phí thực tế. Việc thanh toán thực hiện theo hợp đồng và hóa đơn chứng từ, bảo đảm tuân thủ quy trình, định mức, đơn giá xây dựng và triển khai phần mềm do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định;

đ) Chi chuyển đổi dữ liệu không quá 100.000 đồng/máy đối với việc chuyển đổi các dữ liệu của bộ phần mềm văn phòng, chuyển đổi dữ liệu thư điện tử. Đối với việc các dữ liệu khác có độ phức tạp cao hơn như chuyển đổi các macro, các dữ liệu nghiệp vụ chuyên dụng và các dữ liệu khác được tính theo chi phí thực tế;

e) Chi thuê, mua thiết bị hỗ trợ chuyển đổi như: máy tính, máy chủ, các thiết bị sao lưu dữ liệu chuyện dụng khác được tính theo chi phí thực tế;

g) Chi hướng dẫn người dùng sử dụng ngay sau khi chuyển đổi không quá 150.000 đ/máy. Bao gồm: chi phí nhân công hướng dẫn người dùng tại chỗ, chi phí soạn thảo, in ấn, phôtô tài liệu, đĩa CD hướng dẫn sử dụng;

h) Chi hỗ trợ kỹ thuật không quá 400.000 đ/máy/năm. Bao gồm chi xử lý sự cố; chi bảo trì; chi bảo dưỡng; chi cập nhật, sửa lỗi phần mềm sau chuyển đổi;

i) Chi ăn ở, đi lại đối với thuê chuyên gia thực hiện chuyển đổi sử dụng phần mềm nguồn mở và thuê chuyên gia hỗ trợ kỹ thuật, xử lý sự cố tại chỗ được chi theo các quy định tại Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

Các quy định về định mức chi ở trên là mức quy định thuê ngoài, trong trường hợp việc triển khai do cán bộ kỹ thuật của chính cơ quan, tổ chức đảm nhiệm thì được hưởng mức thù lao bằng 30% định mức quy định ở trên.

2. Các nội dung chi và mức chi cho công việc thực hiện chuyển đổi sử dụng phần mềm nguồn mở trên máy chủ:

Đối với việc chuyển đổi sử dụng PMNM trên máy chủ, thực hiện theo các quy định của Bộ Thông tin và Truyền thông. Trong trường hợp chưa có quy định, việc chuyển đổi được thanh toán theo hợp đồng thực tế đảm bảo các quy định của pháp luật về mua sắm.